TềA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - Đ**	**CỘNG HềA XÂ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:24/2026/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 03 năm 2026
"V/v Ly hụn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tòa án nhân dân KHU VỰC 4 - Đ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà **Trần Thị Ánh N.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Cụng C i.**
2. ễng **Nguyễn Văn D .**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đ: Bà **Phan Thị Thỳy H** - Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ễng **Lờ Xuõn T** - Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đ .

Ngày 19 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hụn nhõn gia đỡnh thụ lý số 221/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hụn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2026/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoón phiờn tũa số 17/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05.3.2026, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn : - Bà **Hồ Thị Ngọc H** – Sinh năm 1985 – Địa chỉ: K42/44 Ngô Sỹ Liên, tổ 08, phường L, thành phố Đà N – Hiện trú tại : K30/28 Nguyễn Văn Cừ, phường H, thành phố Đ, cú mặt.

* Bị đơn : - ễng **Mai Xuõn T** – Sinh năm 1978 - Địa chỉ: K42/44 Ngô Sỹ L , tổ 08, phường L, thành phố Đ, vắng mặt không có lý do.

Nhận thấy

Trong đơn khởi kiện về việc Ly hụn và bản tự khai, nguyên đơn là bà Hồ Thị Ngọc H trình bày:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Bà Hồ Thị Ngọc H và ụng Mai Xuõn T kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đ (cũ), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà sống chung tại nhà số K42/44 Ngụ Sỹ L, tổ 08, phường L, thành phố Đ. Quá trình chung sống giữa ông bà đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về tớnh tỡnh và quan điểm sống, ngoài ra

xuất phỏt từ mõu thuẫn khụng hũa hợp với gia đỡnh chồng nờn dẫn đến vợ chồng thường xuyờn cải vả nhau. Đến thỏng 9 năm 2024 thỡ ụng bà chớnh thức sống ly thõn, khụng ai cú trỏch nhiệm gỡ với ai. Cho đến nay bà H và ụng T khụng cũn tỡnh cảm, bà H xỏc định mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên kiờn quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Hồ Thị Ngọc H được ly hôn với ụng Mai Xuõn T.

*** Về quan hệ con chung**: Bà Hồ Thị Ngọc H và ụng Mai Xuõn T có 01 con chung tờn Mai Xuõn K – Sinh ngày 13. 2.2011.

Ly hụn, do hiện nay chỏu K đang sống cựng ụng T, ổn định chỗ ăn ở và học tập nên bà H cú nguyện vọng giao chỏu Mai Xuõn K cho ụng T trực tiếp nuôi dưỡng, bà H tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

*** Về tài sản chung** : Bà Hồ Thị Ngọc H xỏc định ụng bà khụng cú tài sản chung nờn không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

*** Về nợ chung**: Bà Hồ Thị Ngọc H xác định ông bà không nợ ai và không ai nợ vợ chồng ông bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Mai Xuõn T đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, tạo điều kiện cho các bên hàn gắn và giải quyết vụ án nhưng ông T vẫn vắng mặt khụng cú lý do. Vì vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Mai Xuõn Ttheo quy định tại khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Tại phiờn tũa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đ phỏt biểu:

Thẩm phán đó thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48; đảm bảo đúng trỡnh tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dõn sự trong quỏ trỡnh giải quyết vụ ỏn. Thư ký phiờn tũa đó thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đó tuõn thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, việc hỏi và tranh tụng tại phiên tũa được tiến hành khách quan, đúng trỡnh tự. Nguyờn đơn đó thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tỏa nhưng đó được Tũa ỏn đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72, 227 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, điều 51, 56, 58, 81 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung của bà Hồ Thị Ngọc H đối với ông Mai Xuân T.

Xét thấy

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục tố tụng : Bà Hồ Thị Ngọc H khởi kiện tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng - Là nơi cư trú của bị đơn, ông Mai Xuõn T là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ phỏp luật: Bà Hồ Thị Ngọc H yờu cầu Tũa ỏn giải quyết ly hụn đối với ông Mai Xuõn T. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này là " Tranh chấp Ly hôn " theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung : Tại phiờn tũa hụm nay, ụng Mai Xuõn T vắng mặt, tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Bà Hồ Thị Ngọc H và ụng Mai Xuõn T kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (cũ), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, phù hợp các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên toà hôm nay, bà Hồ Thị Ngọc H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với ụng Mai Xuõn T , nguyên nhân là do bất đồng về tớnh tỡnh và quan điểm sống, ngoài ra xuất phỏt từ mõu thuẫn khụng hũa hợp với gia đỡnh chồng nờn dẫn đến vợ chồng thường xuyờn cải vả nhau. Đến thỏng 9 năm 2024 thỡ ụng bà chớnh thức sống ly thõn, khụng ai cú trỏch nhiệm gỡ với ai, nay tỡnh cảm khụng cũn nờn bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ụng Mai Xuõn T .

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Thị Ngọc H thì thấy: Tỡnh trạng ly hụn giữa cỏc cặp vợ chồng thường xuất phỏt từ cỏc nguyờn nhõn cú mõu thuẫn sõu sắc mà khụng được giải quyết một cỏch triệt để, dẫn đến tỡnh trạng phỏt sinh bất đồng trầm trọng, khụng thể hàn gắn để tiếp tục chung sống. Một trong những nguyờn nhõn thường xuyờn xảy ra là do xuất phỏt từ mối quan hệ khụng tốt đẹp giữa người chồng, người vợ với gia đỡnh hai bờn, dẫn đến cả hai mõu thuẫn, khụng cú tiếng núi chung. Tại đõy, giữa bà Hồ Thị Ngọc H và ụng Mai Xuõn T đó tồn tại những mõu thuẫn trong quỏ trỡnh hôn nhân, khụng tỡm cỏch thỏo gỡ, giải quyết vấn đề nờn khụng cú sự gắn kết tỡnh cảm của vợ chồng, khụng thụng cảm, thấu hiểu và chia sẻ với nhau để cựng xây dựng, vun ven hạnh phúc gia đình, hụn nhõn của ụng bà khụng cú hạnh phỳc, đồng thời vợ chồng ụng bà đó khụng cú hụn nhõn thực tế hơn 02 năm nay nờn khụng cú sự gắn bú trong tỡnh cảm nờn dẫn đến hụn nhõn bế tắc, khụng bền vững, gắn kết dài lõu.

Theo biên bản xác minh của Toà án ở địa phương nơi ông bà cư trú thể hiện ông bà cú mõu thuẫn dẫn đến cói vả, xụ xỏt nhau, bà H đó ra ngoài sống từ năm 2024 cho đến nay. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải và tạo điều kiện cho cả hai cú cơ hội giới bày những yờu cầu, nguyện vọng của mỡnh nhưng ông T vẫn vắng mặt và cũng khụng cú ý kiến gỡ phản hồi yờu cầu của Tũa ỏn, đó thể hiện khụng cú thiện chớ trong việc hũa giải đoàn tụ, ngoài ra hôn nhân thực tế của ông bà đó chấm dứt vào thời điểm từ năm 2024 cho đến nay nờn cần giải thoát để cả hai có cuộc sống riêng.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Hồ Thị Ngọc H và ụng Mai Xuõn T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng các điều 51, 54, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Thị Ngọc H đối với ụng Mai Xuõn T.

* Về quan hệ con chung: Bà Hồ Thị Ngọc H và ụng Mai Xuõn T có 01 con chung tờn Mai Xuõn Kiờn – Sinh ngày 13. 2.2011.

Ly hụn, bà H cú nguyện vọng giao con chung Mai Xuõn K cho ụng Mai Xuõn T trực tiếp nuôi dưỡng, bà H tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu và điều kiện về nuôi con, HĐXX xét thấy: Chỏu Mai Xuõn K là con trai, hiện nay đang ở độ tuổi phát triển nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người cha, từ khi ông bà sống ly thân, cháu đều sống với ông Trà, ổn định về chổ ở, học tập, tâm sinh lý phỏt triển bỡnh thường. Đồng thời quá trỡnh lấy lời khai của con chung thể hiện chỏu Mai Xuõn K có nguyện vọng được sống với ba cũng là phù hợp với nguyện vọng của bà Hồ Thị Ngọc H về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó cần thiết giao cháu Mai Xuân K cho ụng Mai Xuõn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định của phỏp luật tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Quỏ trỡnh giải quyết vụ ỏn và tại phiờn tũa hụm nay, bị đơn – Ông Mai Xuân T vắng mặt và khụng thể hiện ý kiến gỡ về quan hệ hụn nhõn, nuụi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là trách nhiệm của bố, mẹ không trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Vỡ vậy HĐXX cần thiết ghi nhận việc tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung của bà Hồ Thị Ngọc H 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi cho ụng Mai Xuõn T. Trường hợp, sau khi ly hôn, ông Mai Xuân T cú ý kiến về việc nuụi con và cấp dưỡng nuôi con chung thỡ cú thể khởi kiện bằng một vụ ỏn Hụn nhõn gia đỡnh khỏc để đảm bảo quyền lợi.

* Về tài sản chung : Bà Hồ Thị Ngọc H xỏc định ụng bà khụng cú tài sản chung nờn không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

* Về nợ chung: Bà Hồ Thị Ngọc H xác định ông bà không nợ ai và không ai nợ ông bà.

[3]. *Về ỏn phớ:* Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng ỏn phớ và lệ phớ Tũa ỏn và Danh mục ỏn phớ, lệ phớ Tũa ỏn (ban hành kốm theo) bà Hồ Thị Ngọc H phải nộp tiền án phí 300.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. áp dụng điều 227, 228, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc " Ly hôn" của bà Hồ Thị Ngọc H đối với ụng Mai Xuõn T.

Xử: cho bà Hồ Thị Ngọc H được ly hụn với ụng Mai Xuõn T.

2. Về con chung: Bà Hồ Thị Ngọc H và ông Mai Xuân T có 01 con chung tờn Mai Xuõn K – Sinh ngày 13. 2.2011.

Xử : Giao cháu Mai Xuân K cho ông Mai Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà Hồ Thị Ngọc H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đớn khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tính từ ngày Bản ánn cú hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Mai Xuân T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Hồ Thị Ngọc Hkhông thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng như đã thỏa thuận thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Vì lợi ích con chung các bên đều có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

* Về tài sản chung : Không có.

* Về nợ chung: Không có.

3. Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuụi con 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Hồ Thị Ngọc H tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đ bà H đã nộp theo biên lai thu số 0003101 ngày 08/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Đà Nẵng. Bà Hồ Thị Ngọc H cũng phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản ỏn hoặc trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Những người tham gia tố tụng.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Viện KSND KV4-Đà N .
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Ánh N